BÀI GIẢNG: THỰC HÀNH VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM THƠ VÀ TRUYỆN THƠ

MÔN: NGỮ VĂN 11

GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

MỤC TIÊU

- ✓ *Vận dung lý thuyết và công thức để viết nghị luận về thơ và truyện thơ*

ĐỀ LUYỆN SỐ 1 - THƠ

1 Đề bài

Phân tích đặc sắc nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản sau:

NHỮNG DÒNG SÔNG

Sinh ra ở đâu, mà ai cũng anh hùng?
Tất cả trả lời: Sinh bên một dòng sông.
Chẳng phải sông Đà, sông Mã, sông Hồng đôi bờ cát mênh mông,
Thì cũng sông Trà, sông Hương, sông Cửu Long uốn chín đầu rồng
Chẳng phải rộng xa một tầm cò vỗ cánh,
Cũng xinh xinh vài sải chèo quẩy mạnh…

Quê hương Việt Nam mườn mượt những cánh đồng
Mỗi con người gắn bó một dòng sông.

Khi ta bé dòng sông nào cũng rộng,
Chiếc thuyền giấy gửi tuổi thơ theo sóng
Một cánh cò vỗ là xuống lòng ta.
Từ nguồn nào, sông cũng nặng phù sa
Đời ông cha từng cuốc đất, dựng nhà...
Khơi tưởng tượng, những chuyện xưa mẹ kể
Tuổi thơ ngây ngỡ dòng sông nhỏ bé
Cửa quê mình, Trần Quốc Toản từng qua…
[...]
Đã bao đời gắn bó giữa hai ta
Sông chia mình thành ngàn nhánh phù sa
Đến bè bạn cùng từng gốc lúa.
Trắng lấp lánh là quẩy tung đuôi cá

Xanh mát êm là xoan dọc bờ vùng...

Yêu nhau rồi, ta có những vui chung...

[...]

Sinh ra ở đâu mà ai cũng anh hùng?

Tất cả trả lời: Sinh bên một dòng sông.

(Bế Kiến Quốc, *Thơ Việt Nam 1945 - 1975*, NXB Văn học, Hà Nội, 1985, tr. 35-37)

2 Gợi ý làm bài

1. Mở bài

- Giới thiệu bài thơ "Những dòng sông": là khúc ca ngợi quê hương gắn với hình tượng dòng sông, thể hiện tình yêu nước nồng nàn và niềm tự hào dân tộc.
- Dẫn vào vấn đề nghị luận: Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

2. Thân bài:

LUẬN ĐIỂM 1: ĐẶC SẮC NỘI DUNG

a. Hình tượng dòng sông – biểu tượng của quê hương, dân tộc

- Dòng sông hiện lên đa dạng, tiêu biểu cho nhiều vùng đất nước: sông Đà, sông Mã, sông Hồng, sông Hương, sông Trà, sông Cửu Long...
- Gợi liên tưởng: dòng sông là nơi khởi nguồn sự sống, nơi nuôi dưỡng hồn quê và con người Việt Nam.
- Câu hỏi tu từ lặp lại: "Sinh ra ở đâu mà ai cũng anh hùng?" – khẳng định nguồn gốc anh hùng từ quê hương giản dị, cụ thể là từ dòng sông.

b. Dòng sông – chứng nhân và bạn đồng hành của con người

- Dòng sông gắn với tuổi thơ: thuyền giấy, cánh cò, chuyện mẹ kể, tạo nên thế giới tưởng tượng và cảm xúc.
- Dòng sông gắn với lịch sử dân tộc: "Cửa quê mình, Trần Quốc Toản từng qua…" → liên kết giữa dòng sông và truyền thống anh hùng.
- Dòng sông gắn với tình yêu, lao động, cuộc sống thường ngày (gốc lúa, cá trắng, cây xoan…).

c. Khẳng định mối quan hệ thiêng liêng giữa con người và dòng sông – quê hương

- "Mỗi con người gắn bó một dòng sông" → mối gắn bó mang tính cá nhân hóa nhưng phổ quát.
- Tình cảm sâu nặng: "Đã bao đời gắn bó giữa hai ta…" → dòng sông là hơi thở, là tâm hồn của người Việt.
- Bài thơ khơi dậy niềm tự hào dân tộc và tình yêu quê hương từ những điều rất đỗi quen thuộc.

LUẬN ĐIỂM 2: ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT

a. Hình ảnh thơ giản dị mà giàu biểu tượng

- Dòng sông không chỉ là hình ảnh thực mà còn là biểu tượng đa nghĩa: quê hương, cội nguồn, truyền thống, tuổi thơ, tình yêu.
- Hình ảnh quen thuộc (thuyền giấy, cánh cò, phù sa, cá quẫy, xoan bờ vùng) tạo cảm giác gần gũi, chân thực.

b. Giọng điệu trữ tình – tự hào – thiết tha

- Kết hợp giữa chất tự sự nhẹ nhàng và chất trữ tình sâu lắng, giọng thơ biến đổi linh hoạt: lúc hồn nhiên tuổi thơ, lúc hào sảng tự hào.

- Điệp khúc "Sinh ra ở đâu mà ai cũng anh hùng?..." tạo hiệu ứng khẳng định mạnh mẽ và gây xúc động.

c. Nhịp thơ linh hoạt, giàu nhạc tính

- Sự xen kẽ của các dòng thơ ngắn – dài, ngắt nhịp tự nhiên như dòng sông chảy – vừa mượt mà, vừa dồn dập cảm xúc.

- Vần thơ mộc mạc, ngôn ngữ đời thường nhưng được tổ chức có nhịp điệu, giúp bài thơ dễ thuộc, dễ lan tỏa.

3. Kết bài

- Khẳng định bài thơ "Những dòng sông" là khúc ca vừa bình dị, vừa sâu sắc về tình yêu quê hương – đất nước, về cội nguồn dân tộc.

- Nghệ thuật biểu tượng tinh tế, ngôn từ gần gũi, cảm xúc chân thành khiến bài thơ dễ đi vào lòng người.

- Gợi suy ngẫm: Dù ta lớn lên ở đâu, trong thời đại nào, thì vẫn mang trong mình "dòng sông quê nhà" – biểu tượng không bao giờ phai của bản sắc Việt.

ĐỀ LUYỆN SỐ 2 - TRUYỆN THƠ

1 Đề bài

Viết bài văn khoảng 2/3 trang giấy phân tích nhân vật Cúc Hoa qua đoạn truyện thơ trên và cho biết đoạn trích trên thể hiện giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh nào?

TỐNG TRÂN – CÚC HOA

(Truyện thơ Nôm khuyết danh)

(Trích)

Mẹ chồng thấy dâu thảo hiền
Đôi hàng nước mắt chảy liền như tuôn.
Khó nghèo có mẹ có con,
Ít nhiều gan sẻ (1) vẹn tròn cho nhau
Lòng con nhường nhịn bấy lâu
Mẹ ăn cơm ấy ngon đâu hỡi nàng
Cúc Hoa nước mắt hai hàng:
"Lạy mẹ cùng chàng chở quản (2) tôi
Gọi là cơm tấm cạnh lê (3)
Mẹ ăn đỡ dạ kẻo khi võ vàng (4)
Chàng ăn cho sống mình chàng,
Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là.
Kể chi phận thiếp đàn bà,
Khó nghèo chớ quản nỗi nhà thảm thương".

Thương con mẹ giấu cho vàng,
Bảo rằng gìn giữ để nương tựa mình.
Cúc Hoa trong dạ đinh ninh:
"Lạy mẹ còn có chút tình thương con".
Tức thì trở lại phòng môn,
Cầm tay đánh thức nỉ non bảo chồng:
"Chàng ơi xin tỉnh giấc nồng,
Nay vàng mẹ thiếp cho dùng một chương"
Kể đoạn Cúc Hoa bán vàng,
Bán cho trưởng giả giàu sang hơn người.
Hai bên giả cả hẳn hoi,
Bắc cân định giả được ngoài tám mươi.
Cúc Hoa trở lại thư trai (5)
"Khuyên chàng kinh sử dùi mài cho hay.
Thiếp xin rước một ông thầy,
Để chàng học tập đêm ngày thiếp nuôi".
Một ngày ba bữa chẳng rời,
Nuôi thầy, nuôi mẹ lại nuôi cả chồng.
Nàng thời nhiều ít cũng xong
Đói no chẳng quản miễn chồng làm nên.
Khấn trời lạy Phật đòi phen:
"Chứng minh phù hộ ước nguyền chồng tôi.
Khuyên chàng khuya sớm hôm mai,
Cố chăm việc học đua tài cho hay.
Một mai, có gặp rồng mây (6)
Bảng vàng may được tỏ bày họ tên (7)
Trước là sạch nợ bút nghiên (8)
Sau là thiếp cũng được yên lòng này".

(Theo bản in của NXB Phổ thông Hà Nội năm 1961, Bùi Thức Phước sưu tầm & biên soạn, NXB Hội nhà văn, 2012)

Chú thích:

(1) Gạn sẻ: Gạn - chắt lọc và sẻ - chia sớt, chia nhỏ

(2) Quản: e ngại, ngại ngùng. Chớ quản: không e ngại, quan tâm.

(3) Canh lê: canh nấu bằng rau lê; người nghèo thường ăn loại rau này.

(4) Võ vàng: gầy và da không hồng hào vì thiếu máu.

(5) Thư trai: phòng đọc sách, phòng học

(6) Rồng mây: hội rồng mây, cơ hội người đi thi đậu làm nên danh phận cao sang như rồng gặp mây.

(7) Bảng vàng: bảng màu vàng dùng để ghi tên thí sinh thi đỗ.

(8) Nợ bút nghiên: cha mẹ lo cho ăn học, thầy dạy cho chữ nghĩa. Đó là nợ của học trò.

(Tóm tắt tác phẩm: Tống Trân là con cầu tự của một cự phủ ở huyện Phù Hoa, đời vua Thái Tông. Lên ba tuổi thì cha mất, lên tám tuổi thì phải dắt mẹ đi ăn mày. Hôm ấy, Tống Trân dắt mẹ tới nhà của một trưởng giả, con gái của trưởng giả thương tình mang gạo ra cho thì bị cha bắt gặp, bèn bắt nàng lấy Tống Trân làm chồng, và đuổi khéo ra khỏi nhà. Dù vậy, Cúc Hoa vẫn chăm chỉ việc nhà, nàng bán cả vàng mẹ cho để rước thầy về dạy chồng học. Học được nửa năm, vua mở hội thi. Tống Trân tham dự kỳ thi cùng năm nghìn công sĩ. Chàng đậu Trạng nguyên được vua ban áo mão và gả công chúa cùng tuổi cho chàng. Tống Trân lấy nhà nghèo mà từ chối, được vua cho vinh quy bái tổ. Chưa vui sum họp được bao ngày thì Tống Trân phải từ biệt Cúc Hoa về triều nhận chiếu chỉ đi sứ nước Tần dài tới mười năm do vua nghe lời tấu xin của công chúa. Tới nước Tần, nhờ trí thông minh và tài khôn khéo Tống Trận không chỉ thoát được những lần hãm hại mà còn giúp vua Tần xử nhiều vụ án rắc rối. Thế nên từ tâm trạng khinh ghét vua Tần chuyển sang mến phục, phong cho "lưỡng quốc Trạng nguyên" và gả công chúa cho chàng. Một lần nữa Tống Trân viện cớ từ chối. Vua Tần không căm ghét mà lại cho xây nhà ở nội thành giúp vua. Ở quê nhà, Cúc Hoa một lòng một dạ, làm lụng vất vả nuôi mẹ, chờ chồng. Thấy Tống Trân bảy năm chưa về, trưởng giả sai người gọi Cúc Hoa về. Khuyến dụ con gái không được, trưởng giả bèn nhốt và hành hạ nàng. Trưởng giả còn bắt mẹ của Tống Trân xuống ở trong chuồng trâu. Quá đau khổ và quyết thủ tiết chờ chồng, đêm hôm ấy Cúc Hoa trốn khỏi nhà. Đến núi Sơn Vi, nàng định quyên sinh. Thần Sơn Tinh hiểu rõ tình cảnh, hóa thành mãnh hổ, mang thư của nàng qua nước Tần trao tận tay Tống Trân. Nhận được thư, Tống Trân mang vào triều tâu lên vua. Vua Tần cảm động khen ngợi. Và đồng ý cho Tống Trân về nước trước kỳ hạn năm tháng. Tống Trân trả lời thư cho Cúc Hoa và nhờ mãnh hổ mang về.

Ở nhà, Phú ông đi tìm gặp và đưa Cúc Hoa về rao gả cho đình trưởng. Qua ba năm ở rể của đình trưởng, trưởng giả tổ chức đám cưới linh đình. Cùng lúc ấy Tống Trân trên đường về. Tới đầu làng, biết rõ nguồn cơn, chàng đóng vai người ăn mày vào xin ăn. Chàng len lỗi khắp nhà, tai nghe mắt thấy cảnh Cúc Hoa khóc chồng, thương mẹ chồng, xuống chuồng trâu gặp và nói chuyện cùng mẹ. Tống Trân gặp và biết suy nghĩ, cách đối xử của tất cả mọi người trong tiệc cưới. Tới ngày đình trưởng rước dâu, Tống Trận cùng quân sĩ xuất hiện. Chàng xét xử phân minh, mẹ con và vợ chồng đoàn tụ.

Ở nước Tần, công chúa Bạch Hoa xin vua cha cho qua Nam Việt sum họp cùng Tống Trân. Giữa biển khơi đoàn ghe tàu bị giông bão đánh chìm, công chúa trôi dạt vào núi Cô Hồng, được bầy hươu rừng cứu sống, nuôi dưỡng. Tống Trân đi săn hươu gặp và đưa công chúa về nhà, phân chia ngôi thứ, gia đình hạnh phúc.)

2 Gợi ý làm bài

1. Mở bài:

- Giới thiệu truyện thơ Nôm Tống Trân – Cúc Hoa: là một trong những truyện thơ dân gian tiêu biểu, khuyết danh, giàu giá trị nhân đạo và đạo lí dân tộc.
- Nhân vật Cúc Hoa tiêu biểu cho hình tượng người phụ nữ Việt Nam truyền thống: thủy chung, giàu hi sinh, biết sống vì người khác.
- Giới thiệu nội dung đoạn trích: tập trung khắc họa Cúc Hoa trong vai trò người vợ, người con dâu hiền thảo và người phụ nữ có ý chí, có tấm lòng cao đẹp.

2. Thân bài

LUẬN ĐIỂM 1: Phân tích phẩm chất và hành động của nhân vật Cúc Hoa

a. Cúc Hoa là người con dâu hiếu thảo, biết sẻ chia

- Tận tâm chăm sóc mẹ chồng trong cảnh nghèo đói, khéo léo nhường nhịn:

"Khó nghèo có mẹ có con, / Ít nhiều gan sẻ vẹn tròn cho nhau"

- Nàng nhường phần ăn, khuyên mẹ và chồng ăn:

"Chàng ăn cho sống mình chàng, / Dốc lòng kinh sử văn chương đạo là…"

→ Thể hiện đức hi sinh, tinh thần hiếu nghĩa, ứng xử giàu tình cảm – đúng phẩm chất "dâu hiền" trong đạo lí truyền thống.

b. Cúc Hoa là người vợ đảm đang, giàu ý thức vun vén và hi sinh cho chồng

- Bán vàng mẹ chồng cho để rước thầy, nuôi mẹ, nuôi thầy, nuôi chồng học:

"Một ngày ba bữa chẳng rời, / Nuôi thầy, nuôi mẹ lại nuôi cả chồng"

- Luôn động viên chồng chuyên tâm học hành, nuôi ước mơ "bảng vàng", "gặp rồng mây"

"Khấn trời lạy Phật đòi phen… / Trước là sạch nợ bút nghiên…"

→ Cúc Hoa hiện lên với vẻ đẹp của người phụ nữ hi sinh thầm lặng, lấy lý tưởng của chồng làm niềm vui sống của mình, một hình tượng chuẩn mực trong xã hội phong kiến nhưng cũng đầy cảm động.

<u>LUẬN ĐIỂM 2: Nghệ thuật xây dựng nhân vật</u>

- Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại: lời nói của Cúc Hoa giàu cảm xúc, khiêm nhường, chân thành.
- Thể thơ lục bát mượt mà, kết hợp với hình ảnh gần gũi (canh rau lê, cơm tấm…), tạo nên chất trữ tình dân gian đậm đà.
- Lối kể trữ tình giúp nhân vật hiện lên không chỉ như một con người cụ thể mà còn là biểu tượng cho chuẩn mực đạo đức truyền thống của người phụ nữ Việt.

<u>LUẬN ĐIỂM 3: Giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh thể hiện qua đoạn trích</u>

a. Giá trị văn hóa

- Đề cao chuẩn mực đạo đức truyền thống: hiếu thảo, tiết nghĩa, thủy chung, trọng học hành, khuyến học.
- Thể hiện văn hóa gia đình truyền thống Việt Nam: mẹ chồng – nàng dâu yêu thương, vợ chồng nghĩa tình, cha mẹ lo học cho con.

b. Triết lí nhân sinh

- "Ở hiền gặp lành": Cúc Hoa chịu thiệt thòi nhưng luôn được mọi người yêu thương và cuối cùng có được hạnh phúc.
- "Phụ nữ dù ở hoàn cảnh nào cũng có thể giữ vững phẩm hạnh và chủ động định đoạt cuộc đời bằng đức hạnh và ý chí."

3. Kết bài

- Khẳng định nhân vật Cúc Hoa là hình tượng người phụ nữ lí tưởng trong văn học dân gian Việt Nam – thảo hiền, đảm đang, giàu đức hi sinh.
- Đoạn trích không chỉ là một lát cắt trong cuộc đời Cúc Hoa mà còn phản ánh sâu sắc đạo lí truyền thống và ước mơ về một xã hội công bằng, nhân văn.
- Gợi suy nghĩ: Dù trong xã hội hiện đại, hình ảnh như Cúc Hoa vẫn có giá trị và truyền cảm hứng về lối sống trách nhiệm, yêu thương và giàu nghị lực.